

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Ly

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước** (Có đơn xin vắng mặt)..

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoài T1**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Nguyễn Hoài T1** kết hôn năm 2023, đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước** vào ngày 04 tháng 4 năm 2023. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và khác biệt về quan điểm sống từ tháng 09 năm 2023 bà và ông **T1** sống ly thân cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung trở nên ngột ngạt, bức bối, mệt mỏi không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **Nguyễn Hoài T1**.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà và ông **T1** có một người con chung là **Nguyễn Ngọc Bảo T2**, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2023. Khi ly hôn bà đề nghị được nuôi con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông **T1** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông **Nguyễn Hoài T1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có bản lời khai.*

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân và nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn; giao con chung là **Nguyễn Ngọc Bảo T2**, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2023 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà **Nguyễn Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **Nguyễn Hoài T1**, ông **T1** có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại **thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước**. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông **Nguyễn Hoài Thanh vắng m** không có lý do. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 04 tháng 4 năm 2023, đúng quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi, không ai quan tâm đến ai đặc biệt từ tháng 09 năm 2023 bà và ông T1 sống ly thân cho đến nay. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 23 tháng 5 năm 2024 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông T1, bà T cư trú được biết vợ chồng ông T1 bà T có xảy ra mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân; đại diện thôn đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa bà T ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

[2.2] Về con chung: Bà T ông T1 có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2023; Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con, cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông T1 không hợp tác, không có ý kiến gì về con và cháu T2 chưa đủ 01 tuổi nên để bảo đảm quyền lợi, cũng như sự ổn định của con chưa thành niên cần giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2 cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hoài T1.

2/ Về việc nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2023 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà T ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở ông, bà thực hiện quyền này.

Vì lợi ích mọi mặt của con, bà T ông T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008080 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Hạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly